

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2020
V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Thi

2. Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quyền - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2020/QĐST - HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Triều M, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp 4, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Anh Trương Minh T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp 4, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

(Chị M có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nhận ngày 19/6/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Triều M trình bày: chị và anh T cưới nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/9/2004 tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh T không dành thời gian quan tâm đến vợ con, không cùng chị chăm lo cho cuộc sống, kinh tế của gia đình, chị đã khuyên nhủ anh T nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng ly thân từ tháng 05/2020 đến nay. Nay chị nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống. Do đó, chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trương Hồng Diễm M, sinh ngày: 14/3/2005, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: vợ chồng tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn anh Trương Minh T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh T biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, nhưng không có ý kiến gì và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Triều M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trương Minh T là quan hệ tranh chấp ly hôn, căn cứ theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Anh Trương Minh T đã được Tòa án đã tổng đạt các thông báo thụ lý, thông báo về phiên hòa giải, thông báo phiên tòa sơ thẩm, thông báo hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh T vẫn không đến tham dự phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Triều M và anh Trương Minh T cưới nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/9/2004 tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn theo chị M trình bày là do anh T không quan tâm và không có trách nhiệm với gia đình, bỏ mặc vợ con nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và ly thân từ tháng 5/2020 đến nay nên chị cương quyết xin ly hôn.

Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn không gửi cho Tòa án bất cứ văn bản nào trình bày ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên hòa giải, phiên tòa. Từ đó cho thấy, anh T không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với chị M.

Do đó, có đủ căn cứ để chứng minh mâu thuẫn giữa chị M và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Triều M được ly hôn với anh Trương Minh T.

[2.2] Về nuôi con chung:

Chị M và anh T có 01 con chung tên Trương Hồng Diễm M, sinh ngày: 14/3/2005. Hiện tại, con chung đang sống với chị M đã ổn định, cháu M cũng có nguyện vọng được sống với chị M, việc chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

Chị M tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Anh T không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Chị M trình bày không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung không có nên không xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ chung thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Triều M phải chịu án phí theo qui định của pháp luật án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Triều M về việc “tranh chấp ly hôn” đối với anh Trương Minh T.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Triều M được ly hôn với anh Trương Minh T.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Triều M được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Trương Hồng Diễm M, sinh ngày: 14/3/2005. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Triều M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0008647 ngày 02/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, chị M đã nộp đủ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương Trúc

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương Trúc